SUPPLEMENTARY EXERCISES - ENGLISH 3 – GRADE 3

BÀI TẬP BỔ TRỢ TIẾNG ANH LỚP 3_TUẦN 4 THÁNG 9 NĂM 2021

I. **Odd one out.** / *Chọn từ khác loại với những từ còn lại.*

1. A. bed	B. cupboard	C. wardrobe	D. bedroom
2. A. cycle	B. do homework	C. different	D. listen to music
3. A. sing	B. doll	C. ship	D. truck
4. A. family	B. gate	C. garage	D. fence
5. A. dining room	B. mirror	C. living room	D. bathroom

II. **Put the words in order.** / *Sắp xếp lại từ thành câu có nghĩa.*

1. you/ meet/ Nice/ to.

   _____

2. Nam,/ How/ Hi/ are/ you?

   _____?

3. thanks./ fine, / I'm

   _____

4. Nam./ Bye

   _____

III. **Circle A, B, C or D to finish the sentences.** / *Khoanh tròn chữ cái A, B, C hoặc D để hoàn thành các câu sau.*

0. I am fine,_____you.

A. thank	B. thank you	C. Thanks	D. x

1. _____, Ms. Lien.

A. this	B. Good morning	C. x	D. miss

2. What's_____name? Her name is Hoa.

A. my	B. his	C. her	D. your

3. Goodbye._____you later.

A. Meet	B. See	C. x	D. Nice

4. _____down, please.

A. Stand	B. Sit	C. Read	D. x

5. _____are you? I'm happy.

A. Who	B. What	C. x	D. How

LIVEWORKSHEETS

***IV.* Look at the picture. Then complete the sentences.** / *Nhìn tranh. Hoàn thành các câu sau.*

0. A:_____. I'm Mai.
   B:_____. I'm Quan.

   A: Hello. I'm Mai.
   B: Hi. I'm Quan.



1. ……..…..



2. A: How are you?

   B:_____, thanks.



2. A: Nice to meet you, Nam?

   B:_____, too.



4. A:_____, class.

   B:_____, teacher.



VI. Read and complete the paragraph below. / *Đọc và hoàn thiện đoạn văn sau.*

seven	***years***	***friend***	***friends***	***name's***

Hello, My (1)……..Nam. I'm eight (2)……old. I'm in class 3A. This is my best (3)…….Mai. She is eight years old too. Here are Peter and Linda. Peter is (4)……and Linda is nine. They're my (5).....too.

_____*THE END ------*

LIVEWORKSHEETS